TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HC-PT
Ngày: 30/01/2024
V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trương Công Thi
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường
Ông Đặng Kim Nhân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 255/2023/TLPT-HC ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 115/2023/HC-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 671/2024/QĐPT-HC ngày 08 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Đình H; địa chỉ: 1 N, thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Anh T; địa chỉ: số F, tổ L, buôn D, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bị kiện:*

+ UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đại T1 - Phó chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

+ Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T1 - Phó chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

+ Ông Trương Văn C - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt

+ Ông Võ Quang H1 - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; địa chỉ: C H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Quang H1 - Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Lê Thị V; địa chỉ: 1 N, thôn A, H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà V*:* Ông Đỗ Anh T; địa chỉ: số F, tổ L, buôn D, xã C, thành phố B, Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Đỗ Anh T, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện trình bày:

Ngày 18/6/2021, Ủy ban nhân dân thành phố B đã ký Quyết định số 4050/QĐ-UBND để phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà Nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn A, xã H, thành phố B, trong đó có hộ ông Nguyễn Đình H đối với diện tích đất 1979,2m^2 tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại thôn A, xã H, thành phố B của ông Nguyễn Đình H, đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng một phần diện tích của bà Phạm Thị M (bà nhận hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê với Nông trường cà phê Việt Đức năm 1990 nay là Công ty C1) và ông Nguyễn Đình H sử dụng canh tác ổn định đến thời điểm bị thu hồi. Đến ngày 05/12/2007, ông Nguyễn Đình H và Công ty C1 ký hồ sơ giao khoán đất sản xuất trong cà phê thời hạn hợp đồng giao khoán là đến năm 2010. Nhưng nhiều lần ông Nguyễn Đình H liên hệ các cơ quan để ký hợp đồng nhưng không có cơ quan nào yêu cầu ông H tiếp tục ký hợp đồng, nên ông H vẫn sử dụng đất canh tác ổn định có nguồn gốc năm 1990 của bà Phạm Thị M cho đến nay không có tranh chấp với ai.

Sau khi nhận được Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B, do không đồng ý với quyết định trên nên hộ ông Nguyễn Đình H đã nhiều lần khiếu nại đề nghị UBND thành phố xem xét giải quyết nhưng mãi đến ngày 14/4/2023 ông Nguyễn Đình H mới nhận được Công văn số 78/CV-TTPTQĐ ngày 12/04/2023 của Giám đốc Trung tâm phát triển thành phố B về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Đình H với nội dung không đồng ý với đơn kiến nghị, khiếu nại của ông Nguyễn Đình H.

Xét thấy, Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định; không hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất bằng 01 lần giá đất đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định; không hỗ trợ khác tức là không hỗ trợ về cây trồng được trồng sau khi ban hành Quyết định thu hồi đất số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh Đ theo biên bảng kiểm điếm cây trồng của UBND thành phố B là vi phạm quy định của pháp luật hiện hành và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Nguyễn Đình H.

Do đó, ông H đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Hủy một phần Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư T, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1) kèm theo bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường đất, nhà, vật kiến trúc và cây cối hoa màu công trình: xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1) đối với hộ ông Nguyễn Đình H; hủy Công văn số 78/CV-TTPTQĐ ngày 12/4/2023 của Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Đình H; tuyên buộc UBND thành phố B phải hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 10% chi phí ông H đã đầu tư vào đất; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất bằng 100% diện tích 1.979,2m^2 tại vị trí đất bị thu hồi theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định (do đất canh tác ổn định từ năm 1990); hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định; hỗ trợ khác (bồi thường toàn bộ cây trồng trên đất được tạo dựng sau ngày có Quyết định số 530/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ từ năm 2009 đến năm 2018)

Ý kiến trình bày tại bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND thành phố B*; người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch* UBND thành phố B*:*

Căn cứ Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/03/2008 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C1 tại xã H, thành phố B giao cho thành phố B quản lý;

Ngày 29/8/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5041/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư T, xã H, thành phố B; Quyết định số 7105/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 của UBND thành phố B về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư T, xã H, thành phố B; Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt điều chỉnh quy mô, tổng mức đầu tư dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư T, xã H, thành phố B.

Ngày 01/11/2019, UBND thành phố B tổ chức họp thông báo chủ trương, chính sách của Nhà nước khi triển khai dự án để các hộ dân trong phạm vi thu hồi được biết và đề nghị các hộ phối hợp trong công tác đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư T, xã H, thành phố B.

Ngày 19/3/2020, UBND xã H phối hợp với UBMTTQ xã H, BTQ thôn 1 xã H, chủ đầu tư và Trung tâm phát triển quỹ đất tổ chức đối thoại, vận động, thuyết phục các hộ dân phối hợp thực hiện công tác đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi. Sau khi vận động, thuyết phục thì hộ ông Nguyễn Đình H không đồng ý để Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố triển khai thực hiện công tác đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi.

Ngày 23/4/2020, UBND xã H có Báo cáo số 301/UBND về kết quả họp đối thoại, vận động, thuyết phục các hộ dân không đồng ý phối hợp thực hiện việc đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi để thực hiện dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn A, xã H, thành phố B.

Thực hiện khoản 1 Điều 12 Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh Đ. Ngày 13/10/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7283/QĐ-UBND về việc kiểm đếm bắt buộc đối với hộ ông Nguyễn Đình H để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn A, xã H, thành phố B.

Ngày 16/10/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố niêm yết công khai Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc tại trụ sở UBND xã H và Hội trường thôn A, xã H. Đồng thời công khai và vận động, thuyết phục hộ ông Nguyễn Đình H chấp hành kiểm đếm tài sản gắn liền với đất thu hồi thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn A, xã H, thành phố B. Tuy nhiên, hộ ông Nguyễn Đình H vẫn không thống nhất chủ trương thu hồi đất và không đồng ý việc kiểm kê tài sản trên diện tích đất thu hồi thực hiện dự án.

Thực hiện khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh Đ. Ngày 24/11/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8183/QĐ-UBND về việc cưỡng chế quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với hộ ông Nguyễn Đình H để thực hiện công tác bồi thường, giải

phóng mặt bằng thực hiện dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn A, xã H, thành phố B. Ngày 25/11/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8204/QĐ-UBND về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế Quyết định kiểm đếm bắt buộc.

Ngày 26/11/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố niêm yết công khai Quyết định thực hiện cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc tại trụ sở UBND xã H và Hội trường thôn A, xã H. Ngày 27/11/2020, UBND xã H có Thông báo số 928/TB-UBND về việc giao Quyết định thực hiện cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc.

Ngày 09/12/2020, B thực hiện cưỡng chế quyết định kiểm đếm bắt buộc theo Quyết định số 8204 tổ chức họp vận động, thuyết phục các hộ dân thống nhất chủ trương thu hồi đất và đồng ý việc kiểm đếm tài sản để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn A, xã H, thành phố B. Tuy nhiên, các hộ vẫn không thống nhất chủ trương thu hồi đất và không đồng ý việc kiểm kê tài sản trên diện tích đất thu hồi thực hiện dự án.

Thực hiện khoản 1 Điều 14 Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh Đ. Ngày 14/12/2020, B thực hiện cưỡng chế theo Quyết định số 8204 ban hành Kế hoạch số 172/KH-BTHCC thực hiện cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc về nhà, vật kiến trúc và cây cối hoa màu đối với các hộ tại khu vực đất thu hồi để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn A, xã H, thành phố B.

Ngày 16/12/2020, B thực hiện cưỡng chế theo Quyết định số 8204 tiến hành kiểm đếm bắt buộc tài sản trên diện tích đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Đình H đang quản lý.

Ngày 26/3/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố công khai Phương án số 87/PA-TTPTQĐ về việc hỗ trợ tài sản trên diện tích đất thu hồi thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn A, xã H, thành phố B cho hộ ông Nguyễn Đình H, đồng thời niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã H và Hội trường thôn A, xã H thời gian 20 ngày.

Ngày 16/4/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố kết hợp với UBND xã, UBMTTQVN xã H tổng hợp ý kiến phản hồi của người dân.

Thực hiện khoản 2 Điều 17 Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh Đ. Ngày 27/4/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố phối hợp UBND xã H tổ chức họp giải thích, đối thoại với các trường hợp còn có ý kiến không đồng ý và thực hiện rà soát, hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo ý kiến đúng của người có đất, tài sản gắn liền với đất thu hồi.

Ngày 18/6/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4050/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổchức thực

hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn A, xã H, thành phố B, trong đó có hộ ông Nguyễn Đình H là là đúng trình tựvà quy định của pháp luật hiện hành.

Nguồn gốc đất:

Năm 2007 ông Nguyễn Đình H nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V1 (nay là Công ty C1) thời hạn hợp đồng 2010. Ngày 06/3/2008, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C1 tại xã H giao lại cho UBND thành phố quản lý, trong đó có 10,1ha đất hiện nay UBND thành phố đang thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn A, xã H, thành phố B. Diện tích thực tế hộ ông Nguyễn Đình H sử dụng là 1.979,2m^2, diện tích đất thu hồi thực hiện dự án là 1.979,2m^2 đất trồng cây lâu năm.

Về đất: Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật đất đai năm 2013: *Đất được Nhà nước giao để quản lý.* Do đó, diện tích đất nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V1 (nay là Công ty C1) thu hồi không đủ điều kiện bồi thường về đất.

Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại:

Tại thời điểm năm 2008 UBND tỉnh Đ thu hồi đất của Công ty C1 thì thời hạn hợp đồng sử dụng đất vẫn còn giữa Công ty C1 với hộ ông Nguyễn Đình H (thời hạn sử dụng đất năm 2010). Tuy nhiên, sau khi có Quyết định thu hồi đất hộ ông Nguyễn Đình H vẫn sử dụng trên diện tích đất nhận khoán đến năm 2021 thì thời hạn hợp đồng sử dụng đất đã hết hạn, do đó hộ ông Nguyễn Đình H không đủ cơ sở xem xét bồi thường về chi phí đầu tư vào đất còn lại.

Về tài sản nhà, vật kiến trúc và cây trồng:

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Luật đất đai 2013: *Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì không được bồi thường.*

Theo kết quả xác minh của UBND xã H tại Biên bản xác định thời điểm xây dựng ngày 22/01/2021 thì tài sản nhà, vật kiến trúc và cây trồng của hộ ông Nguyễn Đình H tạo lập sau ngày 06/3/2008 UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C1 tại xã H giao lại cho UBND thành phố quản lý thì không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ.

Về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:

Căn cứ Điều 17 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ: *Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP khi nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống…*

Căn cứ khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ "Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP": *Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất.*

Tại thời điểm UBND tỉnh Đ thu hồi đất (năm 2008) của Công ty C1 thì thời hạn sử dụng đất vẫn còn (thời hạn sử dụng đất năm 2010). Tuy nhiên, sau thời hạn sử dụng đất năm 2010 hộ ông Nguyễn Đình H vẫn còn canh tác và sử dụng đến năm 2021 trên diện tích đất nhận khoán nhưng không có hợp đồng. Do đó, hộ ông Nguyễn Đình H không đủ cơ sở xem xét hỗ trợổn định đời sống và sản xuất.

Về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Căn cứ Điều 18 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ: *Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi bị Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP trong trường hợp được bồi thường bằng tiền do không có đất để bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm…*

Căn cứ khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ "Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP": *Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 của Nghị định này khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của* công ty N*, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm…*

Tại thời điểm UBND tỉnh Đ thu hồi đất (năm 2008) của Công ty C1 thì thời hạn sử dụng đất vẫn còn (thời hạn sử dụng đất năm 2010). Tuy nhiên, sau thời hạn sử dụng đất năm 2010 hộ ông Nguyễn Đình H vẫn còn canh tác và sử dụng đến năm 2021 trên diện tích đất nhận khoán nhưng không có hợp đồng, do đó hộ ông Nguyễn Đình H không thuộc đối tượng quy định tại "điểm đ khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Cho nên không đủ điều kiện hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tiềm kiếm việc làm.

Về hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng đất:

Căn cứ điểm 2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND "*Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật đất đai và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật đất đai mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất*".

Căn cứ quy định trên thì hộ ông Nguyễn Đình H không được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng đất.

Từ những căn cứ trên tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đình H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị V *trình bày:*

Bà V thống nhất và đồng ý với toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đình H. Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông H.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 115/2023/HC-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk đã quyết định:

[1]. Căn cứ vào Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng Điều 66, Điều 69, Điều 76, Điều 84, Điều 92, Điều 204 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 7, Điều 17, Điều 19 Luật khiếu nại năm 2011;

Áp dụng Điều 3, Điều 19, Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Áp dụng Điều 17 Quyết định 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ; Điều 23 Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình H.

- Hủy toàn bộ Công văn số 78/CV-TTPTQĐ 12/4/2023 về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Đình H của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B;

- Hủy một phần Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND thành phố B và buộc UBND thành phố B phải phê duyệt bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, bổ sung hỗ trợ khác là hỗ trợ về các cây trồng

được tạo lập sau khi có Quyết định thu hồi đất số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 UBND tỉnh Đ đến trước khi có thông báo thu hồi đất ngày 01/11/2019 cho hộ ông Nguyễn Đình H.

[2.2]. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình H đối với các nội dung: Hủy một phần Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1) đối với hộ ông Nguyễn Đình H và buộc UBND thành phố B phải hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 10% chi phí ông H đã đầu tư vào đất; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất bằng 100% diện tích 1.979,2m^2 tại vị trí đất bị thu hồi theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định (do đất canh tác ổn định từ năm 1990); hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/8/2023, ông Đỗ Anh T - đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Đình H có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo ông T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông H về hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 10% chi phí ông H đã đầu tư vào đất; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất bằng 100% diện tích 1.979,2m^2 tại vị trí đất bị thu hồi theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định (do đất canh tác ổn định từ năm 1990); hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định là không đúng pháp luật, yêu cầu Tòa án phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đỗ Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Đỗ Anh T - đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình H, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét kháng cáo của ông Đỗ Anh T - đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Đình H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

- Đơn kháng cáo của ông Đỗ Anh T - đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Đình H là hợp lệ và trong thời hạn luật định, do vậy Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm đối với vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về nguồn gốc đất: Hộ ông Nguyễn Đình H sử dụng thửa đất số 152, tờ bản đồ số 17, diện tích thực tế 1.979,2m^2 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng lại của bà Phạm Thị M nhận giao khoán của Nông trường cà phê V1 *(nay là* Công ty C1*)* để sản xuất cà phê từ năm 1990, đến năm 2007, ông H tiếp tục ký hợp đồng giao khoán với Công ty C1, thời hạn hợp đồng đến năm 2010.

[2.2]. Ngày 06/3/2008, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C1 tại xã H giao lại cho UBND thành phố quản lý, trong đó có thửa đất số 152, tờ bản đồ số 17, diện tích thực tế 1.979,2m^2 của ông H nhận khoán nằm trong diện tích 10,1ha đất hiện nay UBND thành phố đang thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn A, xã H, thành phố B. Đến ngày 01/11/2019, thì UBND thành phố B hộ gia đình ông H mới có thông báo thu hồi đất.

[2.3]. Ngày 18/6/2021, của UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4050/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư T, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1) kèm theo bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường đất, nhà, vật kiến trúc và cây cối hoa màu đối với hộ ông Nguyễn Đình H. Ông Nguyễn Đình H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy bỏ một phần Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 nêu trên của UBND thành phố B và hủy Công văn số 78/CV-TTPTQĐ ngày 12/4/2023 của Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Đình H

[2.4]. Tại Bản án sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình H về việc hủy toàn bộ Công văn số 78/CV-TTPTQĐ 12/4/2023 về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Đình H của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; Hủy một phần Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND thành phố B và buộc UBND thành phố B phải phê duyệt bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, bổ sung hỗ trợ khác là hỗ trợ về các cây trồng được tạo lập sau khi có Quyết định thu hồi đất số 530/QĐ-UBND

ngày 06/03/2008 UBND tỉnh Đ đến trước khi có thông báo thu hồi đất ngày 01/11/2019 cho hộ ông Nguyễn Đình H. Nội dung nêu trên của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Đại diện theo ủy quyền của ông H kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện về hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 10% chi phí ông H đã đầu tư vào đất; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất bằng 100% diện tích 1.979,2 m^2 tại vị trí đất bị thu hồi theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định (do đất canh tác ổn định từ năm 1990); hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.5.1]. Về hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất và hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất bằng 100% diện tích 1.979,2m^2 tại vị trí đất bị thu hồi theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định: Gia đình ông Nguyễn Đình H sử dụng đất giao khoán theo hợp đồng giao khoán năm 2007. Thời hạn hợp đồng đến hết vụ cây năm 2010. Ngày 06/3/2008, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C1 tại xã H, thành phố B giao cho thành phố B quản lý. Từ thời điểm có quyết định thu hồi đất đến thời điểm phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thì hộ gia đình ông H vẫn đang sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp, không bị ngăn chặn hoặc xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền. Ông H cho rằng gia đình ông đủ điều kiện được hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất theo quy định của pháp luật. Nhưng quá trình giải quyết vụ án ông H không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho việc tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, gia đình ông H chưa thu hồi hết các khoản chi phí đã đầu tư vào đất theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 3 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, do vậy, tại Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu nói trên là đúng.

[2.5.2]. Đối với yêu cầu hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Năm 2008 UBND tỉnh Đ thu hồi toàn bộ diện tích đất nhận giao khoán của gia đình ông Nguyễn Đình H đối với thửa đất số 152, tờ bản đồ số 17, diện tích thực tế 1.979,2m^2 nhưng đến ngày 18/6/2021 UBND thành phố B mới ban hành Quyết định số 4050/QĐ-UBND để phê duyệt phương án bồi thường cho hộ gia đình ông H. Do đó, từ thời điểm có Quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh Đ đến thời điểm phê duyệt phương án bồi thường của UBND thành phố B thì hộ gia đình ông H không bị ảnh hưởng về nghề nghiệp. Hộ ông H chỉ bị ảnh hưởng về nghề nghiệp khi UBND thành phố Buôn Ma Thuột phê duyệt phương án bồi thường cho gia đình ông H. Ông H yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố B phê duyệt hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, quá trình giải quyết vụ án ông H cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ thể hiện thực trạng lao động nghề nghiệp của các thành viên hộ gia đình ông Nguyễn Đình H, bao nhiêu thành viên trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất bị thu hồi để chứng minh cho việc gia

đình ông H bị ảnh hưởng về việc làm khi bị Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 84 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Vì vậy, tại Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu nói trên là có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện và người kháng cáo cũng không cung cấp, bổ sung tài liệu, chứng cứ gì mới, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của ông Đỗ Anh T - người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình H, giữ nguyên quyết định của Bản án án hành chính sơ thẩm.

[3]. Do bác kháng cáo nên ông Nguyễn Đình H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện; án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác toàn bộ kháng cáo của ông Đỗ Anh T - đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình H, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 115/2023/HC-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

Áp dụng Điều 66, Điều 69, Điều 76, Điều 84, Điều 92, Điều 204 Luật đất đai năm 2013; Điều 7, Điều 17, Điều 19 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 3, Điều 19, Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 17 Quyết định 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ; Điều 23 Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình H.

- Hủy toàn bộ Công văn số 78/CV-TTPTQĐ 12/4/2023 về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Đình H của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Hủy một phần Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và buộc UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải phê duyệt bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, bổ sung hỗ trợ khác là hỗ trợ về các cây trồng được tạo lập sau khi có Quyết định thu hồi đất số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 UBND tỉnh Đ đến trước khi có thông báo thu hồi đất ngày 01/11/2019 cho hộ ông Nguyễn Đình H.

2/. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình H đối với các nội dung: Hủy một phần Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1) đối với hộ ông Nguyễn Đình H và buộc UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 10% chi phí ông H đã đầu tư vào đất; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất bằng 100% diện tích 1.979,2m^2 tại vị trí đất bị thu hồi theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định (do đất canh tác ổn định từ năm 1990); hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

3/. Về án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Đình H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0004062 ngày 08/9/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4/. Quyết định của Bản án sơ thẩm về chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện; án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Thi